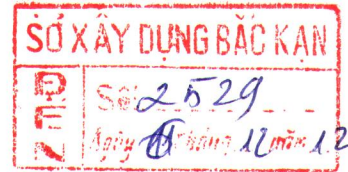


QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung
xây dựng thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 1890/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Kạn thời kỳ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 172/QĐ-UBND ngày 25/01/2006 của UBND tỉnh phê duyệt đồ án quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020; Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 647/TTr-SXD ngày 26/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể.

2. Địa điểm, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:

Địa điểm: Thị trấn Chợ Rã và các xã giáp ranh gồm: Thượng Giáo, Bành Trạch, Địa Linh và Cao Trĩ thuộc huyện Ba Bể.

Ranh giới, phạm vi nghiên cứu: Phía Bắc giáp xã Thượng Giáo; Phía Nam giáp xã Thượng Giáo và xã Địa Linh; Phía Đông giáp xã Bành Trạch; Phía Tây giáp xã Cao Trĩ.

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch: 4.603,35ha.

Phạm vi lập quy hoạch xây dựng: 450ha.

3. Giai đoạn quy hoạch, tỉ lệ bản đồ:

Giai đoạn quy hoạch: 2010 - 2020, định hướng đến năm 2030.

Tỷ lệ bản đồ quy hoạch chung xây dựng: 1/2000 và 1/5000.

4 - Tính chất, chức năng khu quy hoạch, động lực phát triển đô thị:

4.1. Tính chất:

Là thị trấn huyện lỵ, trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, giáo dục, du lịch, dịch vụ thương mại của huyện Ba Bể và sau này là thị xã Chợ Rã (định hướng là đô thị loại IV trực thuộc tỉnh vào sau năm 2020) là trung tâm du lịch, dịch vụ của vùng liên tỉnh Bắc Kạn - Tuyên Quang, nằm trong vùng du lịch trọng điểm của quốc gia.

4.2. Chức năng: Là đô thị hạt nhân có vai trò thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng huyện Ba Bể và khu vực phía Tây Bắc tỉnh Bắc Kạn.

4.3. Động lực phát triển đô thị: Dịch vụ, du lịch, thương mại, nông lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp chế biến nông lâm sản và là đầu mối giao thông liên vùng phía Tây của tỉnh với tỉnh Tuyên Quang.

5. Quy mô dân số, đất đai:

5.1. Quy mô dân số:

Hiện trạng dân số thị trấn Chợ Rã năm 2010: 3.713 người.

Dự báo dân số: Ngắn hạn 2015 =6.400 người; Dài hạn 2020 =9.100 người; Định hướng 2030 =17.000 người.

5.2. Quy mô sử dụng đất xây dựng đô thị (nội thị):

Giai đoạn ngắn hạn (2010 - 2015): 295,88ha.

Giai đoạn dài hạn 2020: 386,35ha.

Định hướng năm 2030: 433,88ha.

6. Các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật chủ yếu:

Căn cứ QCVN01: 2008/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng” và điều kiện cụ thể của thị trấn Chợ Rã, các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Hạng mục	Giai đoạn 2011 - 2020	Giai đoạn 2020 -2030
I- Đất xây dựng đô thị	120 ÷ 150 m ² / người.	100 ÷ 120 m ² / người.
* Đất dân dụng	70 ÷ 80 m ² / người.	60 ÷ 70 m ² / người.
- Đất ở	40 ÷ 50 m ² / người.	30 ÷ 35 m ² / người.
- Đất công trình công cộng	12 ÷ 14 m ² / người.	14 ÷ 15 m ² / người.
- Đất cây xanh, TĐTT	4 ÷ 5 m ² / người.	5 ÷ 6 m ² / người.
- Đất giao thông	9 ÷ 11 m ² / người.	11 ÷ 14 m ² / người.
II- Các chỉ tiêu HT – KT		
- Cấp điện	200 W/ người.	330 W/ người.
- Cấp nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Thoát nước	80 lít /người / ngày đêm	100 lít /người / ngày đêm
- Rác thải	0,8 kg/người / ngày đêm	1 kg/người / ngày đêm
- Tỷ lệ giao thông / đất ĐT	18 %	20 - 23%
- Mật độ mạng đường chính đô thị	5 ÷ 6 Km/Km ²	6,5 ÷ 7,5 Km/Km ²

7. Hướng phát triển đô thị:

7.1. Hướng phát triển đô thị:

Trục trung tâm thị trấn cũ, dọc theo đường 258: Ổn định các khu chức năng đã có; cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp (tăng mật độ xây dựng; Nâng chiều cao tầng). Quy hoạch chức năng: Đất cơ quan, công trình công cộng, dân dụng khác, cây xanh, thể dục thể thao, đất giao thông đối ngoại.

Phía Bắc: Khai thác quỹ đất dọc đường ĐT258B thuộc xã Thượng Giáo (phía Bắc sông Năng) để tạo quỹ đất phát triển đô thị gắn kết quy hoạch đất các cơ quan và đất ở; Đặc biệt là khu đồi Tin Đồn: Cơ quan huyện ủy, HĐND, UBND huyện với các khu vực xung quanh.

Phía Nam: Khai thác quỹ đất dọc theo QL279 đoạn qua thị trấn và xã Thượng Giáo (mặt cắt đường 27m) và dọc theo đường ĐT258 đoạn từ Chợ Rã đi Phủ Thông đến xã Địa Linh; Tạo quỹ đất phát triển đô thị (quy hoạch đất ở, đất hỗn hợp và công trình công cộng, dân dụng khác).

Phía Đông: Phát triển dọc theo đường QL279 đi Nà Phặc và ĐT258B đi Pác Nặm thuộc xã Thượng Giáo và một phần xã Bành Trạch để tăng quỹ đất phát triển đô thị, quy hoạch chủ yếu đất ở và đất khác (lâm trường, quân sự, nghĩa địa, bãi thu gom xử lý rác thải...).

Phía Tây: Chủ yếu phát triển theo trục đường ĐT258 đi hồ Ba Bể thuộc xã Thượng Giáo và xã Cao Trĩ, tạo quỹ đất phát triển đô thị; Quy hoạch chủ yếu các công trình dân dụng khác (dịch vụ du lịch, nghỉ dưỡng sinh thái...) và tạo quỹ đất dự trữ phát triển.

7.2. Định hướng tổ chức không gian đô thị:

Tổ chức không gian đô thị theo nguyên tắc phân khu vực quy hoạch:

+ Phân khu trung tâm 116,30ha: Gồm trục đường ĐT258 và QL279 đoạn qua thị trấn (bao gồm toàn bộ trung tâm thị trấn hiện hữu); Bố trí các khu chức năng: Đất ở (ổn định, cải tạo, chỉnh trang), đất công trình công cộng, đất cơ quan, đất công viên cây xanh, thể dục thể thao, giao thông, đầu mối hạ tầng kỹ thuật và đất dự trữ phát triển.

+ Phân khu phía Đông thị trấn 181,71ha: Gồm toàn bộ khu phía Đông của thị trấn, tính từ phía Đông đường ĐT258 (khu vực ngã ba Cầu Toòng); Bố trí các khu chức năng: Đất ở, công trình công cộng, giao thông, đầu mối hạ tầng kỹ thuật, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng, quân sự, lâm trường... và đất dự trữ phát triển.

+ Phân khu phía Bắc thị trấn 44,48ha: Gồm toàn bộ phía Bắc thị trấn tính từ Sông Năng; Bố trí các khu chức năng: Đất ở, đất cơ quan hành chính, đất công trình công cộng, giao thông, dân dụng khác.

+ Phân khu phía Tây thị trấn 107,51ha: Gồm toàn bộ phía Tây thị trấn tính từ QL279; Bố trí các khu chức năng: Đất ở, đất công trình công cộng, dịch vụ, du lịch, giao thông, quân sự, dân dụng, đất khác... và dự trữ phát triển đô thị.

7.3. Các trung tâm chức năng:

Trung tâm hành chính: Trụ sở cơ quan Huyện ủy - HĐND - UBND bố trí ở đồi Tin Đồn (Bắc Sông Năng); Các cơ quan hành chính cấp huyện bố trí dọc theo đường 258 từ ngã ba cắt đường QL279 đến cầu Pác Co.

Trung tâm dịch vụ thương mại: Tại vị trí trụ sở Huyện ủy, HĐND, UBND huyện cũ từ cầu Pác Co đến đường QL 279 cắt đường 258.

Các trung tâm công cộng phục vụ đô thị ở tại các điểm giao cắt đường QL279 với ĐT258; 258B.

Trung tâm công viên cây xanh, thể dục thể thao xác định ở phân khu trung tâm nằm giữa 02 trục đường QL279 và ĐT258 (cánh đồng trung tâm dọc suối Tả Nghè).

7.4. Tạo các không gian mở, điểm nhấn và các điểm cửa ngõ đô thị:

Cửa ngõ phía Nam dọc ĐT258 giáp xã Địa Linh

Cửa ngõ phía Đông tại ngã ba Cầu Toòng và giáp với xã Bành Trạch dọc QL279.

Cửa ngõ phía Bắc: Ngã ba cầu treo Cốc Phát Bắc Sông Năng đi Pác Nặm và đi xã Cao Tân dọc đường ĐT258B.

Cửa ngõ phía Tây: Tại ngã ba đường đi Hồ Ba Bể và Đồn Đền dọc đường ĐT258.

Cửa ngõ phía Tây Bắc: Ngã ba Cầu cứng QL279 qua sông Năng với đường đi Pác Nặm, Cao Tân.

Đường QL279 đi qua trung tâm thị trấn mặt cắt 27m là trục không gian chính của đô thị; Các điểm giao cắt giao thông với đường QL279 và đồi núi xung quanh chủ yếu giữ nguyên tạo thành điểm nhấn và kiến trúc cảnh quan đô thị miền núi.

8. Cơ cấu sử dụng đất theo các chức năng:

8.1. Đất ở:

Các khu ở hiện trạng cải tạo, chỉnh trang: Khai thác quỹ đất còn trống trong các khu ở, tăng mật độ, chiều cao bình quân và tăng hệ số sử dụng đất, (phạm vi tiểu khu 4 thuộc phân khu A, tiểu khu 1 ÷ 9 thuộc phân khu trung tâm; tiểu khu 10, 11 thuộc phân khu C).

Các khu ở mới: Phát triển dọc theo QL279, thuộc phân khu A, phân khu C và phân khu trung tâm; phát triển dọc theo ĐT258 thuộc phân khu A, phân khu C và phân khu trung tâm, dọc theo ĐT258B thuộc phân khu A, dọc theo ĐT258, Bắc sông Năng.

8.2. Đất công trình công cộng:

Các công trình giáo dục THPT, dạy nghề... tập trung ở phân khu A; Các công trình tiểu học, mầm non, THCS gắn với các khu ở bố trí ở cả 4 phân khu.

Các công trình văn hoá: Bố trí tại phân khu trung tâm, liền kề và gần với khu cây xanh, thể dục thể thao.

Các công trình dịch vụ, thương mại: Bám theo trục ĐT258 đoạn thuộc phân khu trung tâm (trên cơ sở phát triển khu vực hiện hữu); phát triển thành trục dịch vụ thương mại trung tâm.

Các công trình hành chính các cấp, các công trình cơ quan : Bám theo ĐT258 đoạn thuộc phân khu trung tâm (khu vực hiện có) bổ sung; đoạn từ đồi Tin Đồn kéo theo ĐT258 lên phía Bắc, dọc theo Sông Năng.

8.3. Đất cây xanh, TDTT: Bố trí tại phân khu trung tâm, nằm giữa QL279 và ĐT258; suối Tả Nghè được xác định là trục không gian chính cấu thành của khu cây xanh tập trung, bố trí hồ điều hoà, cảnh quan bằng phương pháp mở rộng suối Tả Nghè nằm trong khu cây xanh, TDTT tập trung.

8.4. Trung tâm hành chính: Tập trung ở đồi Tin đồn.

8.5. Đất du lịch sinh thái, dịch vụ nghỉ dưỡng: Bố trí tại phân khu C, dọc theo trục ĐT258 thị trấn Ba Bể.

8.6. Đất hỗn hợp: Công trình công cộng, dịch vụ thương mại, khu ở, ở kết hợp kinh doanh... bố trí tại các điểm giao cắt các trục chính đô thị, tại phân khu A, C và phân khu trung tâm; Đất tôn giáo nằm trong khu chức năng hỗn hợp tại lô 18).

8.7. Đất phi nông nghiệp (công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng...): Bố trí tại phân khu A, có quy mô dự kiến 25,59ha (giai đoạn đầu) 46,71ha (dài hạn) và 48,31ha (định hướng đến 2030).

8.8. Đất đặc biệt:

Huyện đội, đài tưởng niệm: Giữ nguyên vị trí hiện tại thuộc phân khu C, có quy mô 2,49ha.

Thảo trường quân sự: Giữ nguyên vị trí hiện tại, thuộc phân khu A, có quy mô 32,70ha.

Đất tôn giáo nằm trong khu chức năng hỗn hợp dọc sông Năng thuộc phân khu trung tâm.

8.9. Đất chuyên dùng: Lâm trường, vườn ươm, giữ nguyên tại vị trí hiện tại, thuộc phân khu A, có quy mô 8,55ha.

8.10. Đất dự trữ: Phân bố tất cả ở các phân khu, được khai thác theo các giai đoạn và theo yêu cầu phát triển đô thị, hướng chính phát triển về phía Tây, thuộc phân khu C.

8.11. Các loại đất không xây dựng được (núi cao, đất rừng...) nằm phân bố ở các phân khu, tạo cảnh quan không gian và cải thiện vi khí hậu trong đô thị.

Bảng cân bằng sử dụng đất như sau:

BẢNG CÂN BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	ĐỢT ĐẦU 2010 - 2015		DÀI HẠN 2015 - 2020		ĐỈNH HƯỚNG 2030				
		DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	BÌNH QUÂN (M2/NG)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	BÌNH QUÂN (M2/NG)	DIỆN TÍCH (HA)	TỈ LỆ (%)	BÌNH QUÂN (M2/NG)
I	TỔNG DIỆN TÍCH KHU VỰC QUY HOẠCH	450.00	100.00		450.00	100.00		450.00	100.00	
1	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	295.88			386.35			433.88		
2	ĐẤT KHÁC TRONG KHU VỰC QH	154.12	34.25		63.65	14.14		16.12	3.58	
II	ĐẤT XÂY DỰNG ĐÔ THỊ	295.88	65.75	159.44	386.35	85.86	146.89	433.88	96.42	149.31
I	ĐẤT DÂN DỤNG	140.94	31.32	144.82	193.28	42.95	136.61	216.04	48.01	140.27
1.1	ĐẤT CÁC KHU Ở	64.36	14.30	41.66	70.16	15.59	31.97	73.92	16.43	32.83
1.1.1	ĐẤT Ở HIỆN TRẠNG	37.18	8.26		37.18	8.26		37.18	8.26	35.92
	ĐẤT CÓ THẺ XÂY DỰNG	15.24	3.39	23.82	15.24	3.39	16.75	15.24	3.39	14.73
	ĐẤT KHÁC (KHÔNG XÂY DỰNG ĐƯỢC, ĐẤT ĐỔI CAO, KÈ, TALUY, DỰ PHÈNG...)	21.94	4.87	100.56	21.94	4.87	24.11	21.94	4.87	21.19
1.1.2	ĐẤT Ở DÂN CƯ MỚI	27.18	6.04	42.47	32.98	7.33	36.24	36.74	8.16	35.50
	ĐẤT CÓ THẺ XÂY DỰNG	11.42	2.54	17.84	13.85	3.08	15.22	18.74	4.16	18.10
	ĐẤT KHÁC (KHÔNG XÂY DỰNG ĐƯỢC, ĐẤT ĐỔI CAO, KÈ, TALUY, DỰ PHÈNG...)	15.76	3.50	24.63	19.13	4.25	21.02	18.00	4.00	17.39
1.2	ĐẤT CÔNG CỘNG (Công cộng, hỗn hợp...)	10.54	2.34	16.47	10.54	2.34	11.58	15.41	3.42	14.89
1.3	ĐẤT CVCX TDTT	3.81	0.85	5.95	7.42	1.65	8.15	7.42	1.65	7.17
1.4	ĐẤT GIAO THÔNG, QUẦNG TRƯỜNG	9.45	2.10	14.77	15.15	3.37	16.65	19.53	4.34	18.87
1.5	ĐẤT DÂN DỤNG KHÁC	52.78	11.73	82.47	90.01	20.00	98.91	99.76	22.17	96.39
	ĐẤT CÓ THẺ XÂY DỰNG	42.22	9.38	65.98	62.11	13.80	68.25	68.83	15.30	66.51
	ĐẤT KHÁC (KHÔNG XÂY DỰNG ĐƯỢC, ĐẤT ĐỔI CAO, KÈ, TALUY, DỰ PHÈNG...)	10.56	2.35	16.49	27.90	6.20	30.66	30.93	6.87	29.88
2	ĐẤT GIAO THÔNG ĐỐI NGOẠI	20.50	4.56		28.05	6.23		34.83	7.74	
3	ĐẤT DẦU MỎ, HTKT, NGHĨA TRANG	9.36	2.08	14.63	9.36	2.08	10.29	9.36	2.08	9.04
4	ĐẤT KHÁC	35.60	7.91		35.60	7.91		35.60	7.91	
4.1	ĐẤT HUYỀN ĐỘI	0.97	0.22		0.97	0.22		0.97	0.22	

4.2	ĐẤT TƯỞNG NIỆM (NT LIỆT SĨ)	1.52	0.34	1.52	0.34	1.52	0.34
4.3	ĐẤT QUẢN SỬ	32.70	7.27	32.70	7.27	32.70	7.27
4.4	ĐẤT LÂM NGHIỆP	0.41	0.09	0.41	0.09	0.41	0.09
5	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP, SẢN XUẤT	32.15	7.14	42.64	9.48	48.31	10.74
6	ĐẤT DỰ TRỮ	57.33	12.74	77.42	17.20	89.74	19.94
III	ĐẤT KHÁC TRONG KHU VỰC QH	154.12	34.25	63.65	14.14	16.12	3.58
	ĐẤT NÔNG NGHIỆP, ĐỒI RỪNG...V...V..						

(Chỉ tiêu diện tích đất dân dụng và bình quân m²/người chỉ tính cho đất có thể xây dựng được)

9. Dự kiến mở rộng địa giới hành chính:

9.1. Giai đoạn 2010 – 2015: Giữ nguyên diện tích tự nhiên hiện có của thị trấn chợ rã: 456,52ha.

9.2. Giai đoạn 2015 – 2020:

Dự kiến mở rộng:

- + Về phía Bắc: Xã Thượng Giáo.
- + Về phía Nam: Xã Thượng Giáo và xã Địa Linh.
- + Về phía Đông: Xã Bành Trạch.
- + Về phía Tây: Xã Cao Trĩ.

Tổng diện tích dự kiến: 1807,38 ha.

9.3. Giai đoạn 2020 -2030:

Dự kiến tiếp tục mở rộng:

- + Về phía Bắc: Xã Thượng Giáo.
- + Về phía Nam: Xã Thượng Giáo.
- + Về phía Tây: Xã Cao Trĩ.

Tổng diện tích dự kiến của thị xã: 4.63,35ha.

10. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị:

10.1. Giải pháp san nền thoát nước mưa:

Giải pháp san nền:

- + Xác định cao độ xây dựng trung bình khu vực quy hoạch là 158.00.
- + Đối với khu vực xây dựng hiện trạng, cơ bản giữ nguyên cao độ.
- + Đối với khu vực ruộng trũng, khi xây dựng phải được tôn nền đến độ cao tối thiểu $H \geq 157,00$.
- + Cao độ các nút giao thông được xác định phù hợp với tự nhiên và mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo điều kiện nước tự chảy.
- + Hạn chế san gạt đồi núi; Chủ yếu cân bằng đào đắp tôn trọng địa hình tự nhiên, đảm bảo cảnh quan tự nhiên và môi trường.

Giải pháp thoát nước mưa: Thiết kế riêng rẽ hệ thống thoát nước mưa với mạng lưới thoát nước thải. Hướng thoát nước mưa chính là đổ vào suối Tả Nghè, Suối Bản Pục và sông Năng. Hệ thống thoát nước mưa chủ yếu theo các tuyến cống và mương chính được bố trí dọc hai bên đường giao thông (trên vỉa hè); Bố trí các giếng thu, hố ga; Độ dốc thiết kế $> 0,005$.

10.2. Quy hoạch giao thông:

Giao thông đối ngoại (đường liên khu vực):

+ Đường QL279 (nối từ Lạng Sơn - Bắc Kạn - Tuyên Quang): Đoạn qua trung tâm thị trấn có mặt cắt ngang 27m; Đoạn qua ngoại thị có mặt cắt ngang 22,5m.

+ Đường ĐT258 đi Phú Thông có mặt cắt ngang 22,5m.

+ Đường ĐT258: Đoạn đi qua trung tâm thị trấn (Phố Cũ) có mặt cắt ngang 13,5m; Đoạn từ Huyện đội đi Hồ Ba Bể (đến cầu tràn Cao Trĩ) có mặt cắt ngang 27m.

+ Đường ĐT258B đi huyện Pác Nặm có mặt cắt ngang 16,5m.

Giao thông nội thị:

+ Đường khu vực có mặt cắt ngang 19,5m (tổng chiều dài 2.914m).

+ Đường khu vực có mặt cắt ngang 16,5m (tổng chiều dài 18.172m).

+ Đường phân khu vực có mặt cắt ngang 13,5m (tổng chiều dài 7.152m).

Bến xe (giao thông tĩnh): Bố trí 01 bến xe tại vị trí Lòong kháng chiến; Tại khu vực giao cắt của 02 trục đường giao thông đối ngoại: QL279 và ĐT258 có quy mô diện tích khoảng 10.000m² khi lên đô thị IV (thị xã) dự kiến mở 02 bến xe phía Nam và phía Tây Bắc. Ngoài ra tổ chức hệ thống bãi đỗ xe tại các trung tâm thương mại, trung tâm công cộng lớn; Tổng diện tích khoảng 1,5ha.

10.3. Quy hoạch định hướng cấp điện:

Chi tiêu cấp điện: Theo tiêu chuẩn đô thị loại IV – V.

+ Cấp điện cho sinh hoạt: Đợt đầu 200 W/người; Dài hạn 330 W/người.

+ Cấp điện cho công trình công cộng tính bằng 30% phụ tải điện sinh hoạt.

+ Cấp điện cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng tính bằng 140kW/ha.

Công suất dự kiến: Năm 2015 =3.922KVA; Năm 2020 =8.910KVA; Năm 2030 =15.357KVA.

Nguồn điện: Sử dụng nguồn cấp điện từ trạm giảm áp chính 110/35/22KV Bắc Kạn công suất trạm là 16- 25MVA; Bổ sung nguồn cấp điện sau khi trạm giảm áp Chợ Đồn 110/35/22KV- 25 MVA đi vào hoạt động.

Lưới trung thế 35KV: Sử dụng hai mạch 35KV 371E26.1 và 372 E 26.1 của điện lực Bắc Kạn.

Lưới đường dây 22KV và đường hạ thế 0,4KV được bố trí lại đường dây, hệ thống cột theo quy hoạch đi trên vỉa hè của các trục đường quy hoạch; Xây dựng các tuyến cáp ngầm tại các vị trí đường giao nhau và các trục chính của đô thị đảm bảo mỹ quan.

Trạm biến áp 22/0,4KV: Được bố trí tại các vị trí công cộng, hè đường; Thay thế các trạm cũ bằng các trạm biến áp ki ốt đồng bộ.

Chiếu sáng: Các trục đường trung tâm được xây dựng hệ thống chiếu sáng đô thị và dùng cáp ngầm. Tuyến chiếu sáng khu dân cư bố trí đi nối kết hợp với tuyến điện 0,4KV cấp điện cho sinh hoạt.

10.4. Quy hoạch cấp nước:

Tiêu chuẩn cấp nước tính cho đô thị loại IV.

+ Giai đoạn đầu: 80 lít/người/ngày đêm (với 80% dân đô thị được cấp nước).

+ Giai đoạn dài hạn: 100 lít/người/ngày đêm (với 90% dân đô thị được cấp nước).

Tổng nhu cầu cấp nước: Giai đoạn đầu là $2.600\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$; Giai đoạn dài hạn là $4.300\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$.

Nguồn nước: Sử dụng trong sinh hoạt được lấy từ nguồn nước ngầm: Giếng G1, G2 hiện có tại Pác Co và nước ngầm Nà Mò xã Địa Linh đã được đầu tư xây dựng và nâng công suất theo các giai đoạn quy hoạch.

Thiết kế mạng lưới cấp nước: Mạng lưới đường ống cấp nước được thiết kế theo sơ đồ mạng vòng kết hợp mạng nhánh; Hệ thống đường ống phân phối được bố trí theo quy hoạch đi trên các hè đường giao thông đến các khu dân cư; Hệ thống cấp nước cứu hỏa được thiết kế chung với mạng lưới cấp nước sinh hoạt theo quy phạm.

10.5. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

Hệ thống thoát nước thải:

+ Tiêu chuẩn thoát nước thải lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước:

+ Tổng lượng nước thải cần thu gom xử lý: Giai đoạn đầu $=1900\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$; Giai đoạn dài hạn $=3300\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$.

+ Hệ thống thoát nước thải được xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

+ Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế tự chảy thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp chảy về 09 bể xử lý đang được đầu tư xây dựng.

+ Thị trấn Chợ Rã giai đoạn 2020 - 2030 dự kiến thiết kế 02 trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải công suất $2.000\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$ thu gom nước thải ở các tiểu khu 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8; Trạm xử lý nước thải công suất $1.300\text{m}^3/\text{ngày}/\text{đêm}$ thu gom nước thải từ tiểu khu 1, 9, 10 và xã Thượng Giáo.

+ Nước thải công nghiệp, yêu cầu xử lý đạt tiêu chuẩn quy phạm mới được phép xả thải vào hệ thống thoát nước của khu vực.

Vệ sinh môi trường: Nguồn phát sinh chất thải rắn tại thị trấn Chợ Rã chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn công nghiệp chiếm tỷ trọng không đáng kể. Lượng chất thải rắn trung bình là $0,8\text{kg}/\text{người}/\text{ngày}$ như vậy tổng lượng chất thải phát sinh là: Năm 2015 khoảng $5,12\text{tấn}/\text{ngày}$; Năm 2020 khoảng $7,28\text{tấn}/\text{ngày}$; Năm 2030 khoảng $13,6\text{tấn}/\text{ngày}$. Rác thải sinh hoạt được thu gom theo các trục đường và khu dân cư được tập kết và phân loại tại các trạm trung chuyển và được chuyển đến khu xử lý tại khu bãi rác đang sử dụng từ năm 1999, diện tích khoảng $0,9\text{ha}$ để chôn lấp hợp vệ sinh.

+ Quy hoạch bãi rác mới có diện tích khoảng 02ha , định hướng mở rộng $4,6\text{ha}$ ở phía Đông thị trấn giáp xã Bành Trạch; Xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh, tiến tới xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn đảm bảo vệ sinh môi trường.

Nghĩa trang: Nghĩa trang cũ ở phía Đông thị trấn giáp xã Bình Trạch. Quy hoạch khu Nghĩa trang mới tại khu Nà Nhót -Tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã, diện tích khoảng 10ha; quy hoạch thêm một khu Nghĩa trang ở phía Tây tại thôn Bản Piềng xã Cao Trĩ.

11. Các quy định về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

Tôn trọng môi trường cảnh quan, phát huy tối đa ưu thế về không gian cây xanh, đồi núi, mặt nước, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan hài hòa, thân thiện với môi trường và giữ gìn bản sắc vùng miền.

Tuân thủ các quy định, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của quy hoạch chung xây dựng đã được phê duyệt trong quá trình lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết xây dựng, lập các dự án đầu tư xây dựng và trong quá trình quản lý xây dựng theo quy hoạch về: Chức năng trong khu quy hoạch, chỉ giới xây dựng, mật độ xây dựng, chiều cao không chế, vị trí khoảng cách các công trình ngầm.

Các công trình được đầu tư xây dựng trong thị trấn, thực hiện đúng quy trình: Lập dự án đầu tư, thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật, cấp giấy phép xây dựng, giám sát kiểm tra, vận hành và bảo trì công trình.

Các công trình xây dựng trong khu vực quy hoạch cần thiết kế theo hướng hiện đại, kiến trúc đẹp kết hợp yếu tố bản địa, tạo nét đặc sắc của địa phương và đảm bảo bền vững.

Mật độ xây dựng đất ở đô thị không quá 60%, khu cây xanh không quá 5%, công trình công cộng không quá 40%, các yêu cầu khác theo quy định.

12. Các vấn đề về quốc phòng, an ninh:

Quy hoạch các khu chức năng đặc biệt về an ninh quốc phòng cần tuân thủ các quy định của quốc phòng. Lưu ý quỹ đất để xây dựng các khu vực phòng thủ, khu sơ tán, trận địa quân sự, các vị trí địa hình quan trọng đã được Bộ Quốc phòng xác định để quy hoạch riêng cho đất quốc phòng, an ninh.

Quy hoạch các bãi tập của dân quân tự vệ và đảm bảo bí mật cho các khu quân sự...

13. Các biện pháp bảo vệ môi trường:

Các Đồ án quy hoạch xây dựng đều phải có đánh giá môi trường chiến lược, nhằm kiểm soát môi trường và các tác động đến môi trường trong quá trình thực hiện quy hoạch.

Các dự án đầu tư xây dựng công trình phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường, có biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường trong quá trình thi công xây dựng công trình và trong quá trình vận hành để bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Thường xuyên duy tu, bảo trì, quản lý hệ thống hạ tầng kỹ thuật hạn chế tối đa các tác động xấu đến môi trường, đặc biệt là hệ thống thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, Nghĩa trang vv...

Có biện pháp an toàn về sử dụng hóa chất, chất độc hại, chất thải nguy hại, chất thải bệnh viện vv...

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, quan trắc môi trường và nâng cao nhận thức cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường.

Khai thác tài nguyên một cách hợp lý trong đó có khai thác đất, đá, cát sỏi, vật liệu xây dựng cần có phương án cải tạo phục hồi môi trường theo đúng quy định

14. Chương trình ưu tiên đầu tư và các nguồn lực thực hiện:

14.1. Các chương trình ưu tiên đầu tư:

Chuẩn bị kỹ thuật: San nền khu vực xây dựng các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị (các công trình trọng điểm).

Giao thông: Tiếp tục xây dựng hoàn thiện tuyến đường QL279 đi qua thị trấn; Hoàn thiện nâng cấp đoạn đường ĐT258 từ thị trấn Chợ Rã đi hồ Ba Bể; Cải tạo nâng cấp tuyến đường ĐT258B đi Pác Nặm; Cải tạo nâng cấp đường ĐT258 đoạn qua trung tâm thị trấn (Phố Cũ) theo quy hoạch; Nâng cấp tuyến đường ĐT258B dọc sông Năng; Xây dựng mới một số tuyến đường quy hoạch.

Cấp điện: Điều chỉnh mở rộng nguồn cấp điện; Di chuyển tháo dỡ một số đoạn đường dây theo đúng quy hoạch, kể cả ngầm hóa một số khu vực; Điều chỉnh, xây dựng lắp đặt lại một số trạm biến áp phù hợp với quy mô công suất của quy hoạch; Bổ sung hệ thống chiếu sáng cho các trục đường đô thị mới được đầu tư xây dựng hoàn thiện.

Cấp nước: Bổ sung giếng khoan G3 và xây dựng trạm xử lý nước đồng bộ, đảm bảo nâng công suất cung cấp nước từ 800m³/ngày đêm lên 2600m³/ngày đêm; Từng bước hoàn chỉnh đồng bộ hệ thống cấp nước theo nguyên tắc mạch vòng, đảm bảo cấp nước theo tiêu chuẩn đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của dân cư đô thị

Thoát nước thải: Hoàn thiện hệ thống thu gom và các bể xử lý nước thải thuộc dự án vệ sinh môi trường thị trấn từ nguồn vốn Phần Lan hiện đang đầu tư xây dựng; Xây dựng 02 trạm xử lý nước thải, đảm bảo công suất xử lý 1.900m³/ngày đêm; Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải đảm bảo xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của thị trấn.

Rác thải: Đầu tư hệ thống thu gom rác thải, phân loại rác; Đầu tư hoàn chỉnh bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh với quy mô 02 ha (rác thải y tế xử lý riêng).

Nghĩa trang: Quy hoạch ổn định Nghĩa trang Bản Piêng; Quy hoạch, đầu tư xây dựng Nghĩa trang mới tại Nà Nhót, tiểu khu 2, thị trấn Chợ Rã với diện tích 10ha (xây dựng đường vào Nghĩa trang, nhà quản trang, khu chôn lấp, giao thông nội bộ vv...)

Ưu tiên phát triển một số dự án khu dân cư, công trình công cộng, dịch vụ thương mại, du lịch... Phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

14.2. Nguồn lực thực hiện: Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn vay, vốn vay tài trợ, vốn vay huy động, vốn doanh nghiệp, vốn tư nhân, khuyến khích theo hướng xã hội hóa; vốn nhà nước và nhân dân cùng làm, vốn nước ngoài, vốn từ khai thác hạ tầng; Vốn do nhân dân tự đầu tư xây dựng nhà ở và đóng góp...

15. Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch: 1.901.420.000, đồng (*một tỷ, chín trăm linh một triệu, bốn trăm hai mươi nghìn đồng*).

Trong đó: + Chi phí khảo sát: 1.196.084.571, đồng.

+ Lập quy hoạch chung xây dựng: 705.333.791, đồng.

(Chi tiết các khoản chi phí: Theo nội dung Tờ trình số 647/TTr-SXD ngày 26/10/2012 của Sở Xây dựng).

Tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch phê duyệt tại Quyết định này thay thế phần tổng kinh phí lập đồ án quy hoạch đã ghi tại Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chung xây dựng thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê.

16. Lưu hồ sơ: Hồ sơ đồ án quy hoạch chung xây dựng sau khi được Sở Xây dựng xác nhận thẩm định, UBND huyện có trách nhiệm bàn giao cho các đơn vị đã ghi tại Quyết định số 2306/QĐ-UBND ngày 29/10/2010 của UBND tỉnh và bàn giao cho Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch 01 bộ để các đơn vị lưu trữ và thực hiện.

Điều 2. Phân giao nhiệm vụ.

1. Ủy ban nhân dân huyện Ba Bê: Có trách nhiệm quản lý, tổ chức thực hiện theo đúng quy hoạch được duyệt. Lập chương trình dài hạn và các kế hoạch ngắn hạn hàng năm thực hiện đầu tư phát triển, nâng cấp đô thị. Tổ chức lập quy hoạch phân khu và các đồ án quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch chung làm cơ sở quản lý đất đai, quản lý kiến trúc đô thị và kêu gọi vốn đầu tư phát triển đô thị. Xây dựng các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển đô thị theo hướng xã hội hoá trình cấp có thẩm quyền ban hành. Trước mắt tổ chức công bố quy hoạch và đưa mốc giới ra ngoài thực địa trong năm 2013.

2. Sở Xây dựng: Thực hiện quản lý nhà nước về quy hoạch xây dựng. Kiểm tra, đôn đốc hướng dẫn việc quản lý và thực hiện quy hoạch.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường: Thực hiện quản lý nhà nước về đất đai và môi trường trong đô thị. Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn việc quản lý và sử dụng đất đai trong đô thị theo quy hoạch được phê duyệt.

4. Các Sở, Ngành, đơn vị chức năng có liên quan: Thực hiện theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp thực hiện tốt quy hoạch này.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Văn hoá-Thể thao và Du lịch, Chủ tịch UBND huyện Ba Bê, Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bê và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP (đ/c Đức);
- Lưu: VT, CN-XDCB (19b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Du